TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 166/2018/DS-PT
Ngày: 06 – 9 – 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập
Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2018/TLPT- DS ngày 29 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 181/2018/QĐPT-DS ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ngô Văn T, sinh năm 1973 (Có mặt)

2. Huỳnh Diệu H, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thị trấn S, huyện T, tỉnh C

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà H: Ông Ngô Văn T (Văn bản ủy quyền ngày 25/7/2018)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Ông Trần Chí Thiện, là Luật sư của Văn phòng luật sư Lê Minh Châu thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Vắng mặt khi tuyên án).

- *Bị đơn:*

1. Phạm Văn V1, sinh năm 1971 (Có mặt)

2. Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1971 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thị trấn S, huyện T, tỉnh C

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ph, ông V1: Ông Võ Thanh Tùng, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Thanh Tùng, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Vắng mặt khi tuyên án).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị N, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

2. Bà Võ Thị Y, sinh năm 1951 (Vắng mặt)

3. Cháu Ngô Triệu V2, sinh năm 2002

Đại diện hợp pháp theo pháp luật của cháu Vy: Ông Ngô Văn T và bà Huỳnh Diệu H.

4. Anh Phạm Trọng Q, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

5. Anh Phạm Ngọc L, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thị trấn S, huyện T, tỉnh C

- *Người kháng cáo:* Ông Ngô Văn T và bà Huỳnh Diệu H, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo ông Ngô Văn T trình bày:*

Nguồn gốc phần đất ông T và bà H sử dụng do cha mẹ bà H (ông Huỳnh Văn H và bà Võ Thị Y) cho vào năm 1998, diện tích 135,5 m^2 (ngang 04 mét, dài 32,56 mét). Ông T và bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/01/2016, diện tích 135,5m^2, đất tọa lạc tại khóm 6A, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Đến tháng 4 năm 2016 âm lịch, ông T khởi công xây dựng nhà xảy ra tranh chấp ranh ở phần hậu đất với ông V1 và bà Ph, diện tích theo đo đạc thực tế 9,7m^2. Trên phần đất tranh chấp có bức tường ông V1 và bà Ph xây dựng trước khi ông T xây dựng nhà. Ông T còn xác định giữa phần hậu đất của gia đình ông T với gia đình ông V1 có đường mương thoát nước . Ông T, bà H yêu cầu ông V1 và bà Ph trả diện tích đất bị lấn chiếm theo đo đạc thực tế 9,7m^2.

- *Theo ông Phạm Văn V1, bà Nguyễn Thị Ph trình bày:*

Nguồn gốc phần đất ông V1 và bà Ph sử dụng là do cha mẹ ông V1 (ông Phạm Văn X và bà Huỳnh Thị H1) cho vào năm 1990, chiều ngang 05m, chiều dài không nhớ rõ. Đến năm 2012, vợ chồng ông V1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 128,1m^2, đất tọa lạc tại khóm 6A, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Giữa hậu đất ông V1 và đất ông Tài có đường mương thoát nước công cộng, Nhà nước chỉ cấp quyền sử dụng đất cho ông V1 đến giáp mương thoát nước. Sau đó gia đình ông V1 bồi đắp sử dụng luôn con mương thoát nước ; phần mương thoát nước hiện nay gi a đình ông V1 sử dụng chưa kê khai đăng ký . Khi gia đình ông V1 xây bức tườn g rào (tháng 02/2015) có kêu bà Yến đến xác định ranh và có nhiều người chứng kiến . Đến năm 2016 xảy ra tranh chấp với ông Tài và bà Hiền , diện tích theo đo đạc thực tế 9,7m^2. Ông V1, bà Ph xác định việc ông bà sử dụng mương thoá t nước công cộng không liên quan gì đến ông T, khi nào Nhà nước có yêu cầu lấy lại phần đất mương thoát nước thì ông bà sẽ trả cho Nhà nước. Ông V1, bà Ph xác định không có lấn chiếm đất của ông Tài và bà Hnên không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông Tài và bà Hiền.

- *Theo bà Trần Thị N trình bày:*

Ngày 01/9/2016, Tòa án có kết hợp với các cơ quan có thẩm quyền đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp giữa ông T, bà Hvới ông V1, bà Ph; qua đo đạc xác định có 01 phần đất tranh chấp giữa bà Nói với ông T, bà Hngang 1,2 mét, dài 3,5 mét. Bà Nói không có yêu cầu gì đối với phần đất tranh chấp này, bà Nói sẽ khởi kiện bằng 01 vụ án khác, đồng thời xin từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

- Theo bà Võ Thị Y trình bày:

Phần đất tranh chấp giữa ông T, bà Hvới ông V1, bà Ph không có liên quan gì đến quyền và lợi ích của bà. Quyền quyết định đối với phần đất tranh chấp là của ông T và bà H; bà Yến đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt bà Yến.

- Tại công văn số 164/UBND – VP ngày 19/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời xác định:

Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn T, bà Huỳnh Diệu H và ông Phạm Văn V1, bà Nguyễn Thị Ph được thực hiện theo thủ tục pháp luật quy định.

Theo hệ thống bản đồ địa chính và sổ mục kê thành lập năm 2000 thì phần hậu đất của ông V1, bà Ph tại thửa 39, tờ bản đồ số 37 và phần hậu đất của ông T, bà Htại thửa số 42, tờ bản đồ số 37 giáp với mương thoát nước do UBND thị trấn Sông Đốc quản lý. Theo hệ thống bản đồ lập năm 2013 thì ông V1 đã kê khai chồng lên phần mương thoát nước của bản đồ lập năm 2000 và nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng của hộ ông V1, bà Ph. Phần đất ông T, bà Hđã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không chồng lên phần mương thoát nước của hệ thống bản đồ lập năm 2000.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Căn cứ vào các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 149, Điều 155, Điều 157, Điều 158, Điều 163, Điều 165, Điều 186, Điều 201, Điều 202, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh số 10/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2012/NQ – HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả diện tích đất là 9,7 m^2 – đất tọa lạc tại khóm 6A, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo mảnh trích đo địa chính số 153-2016 ngày 05/10/2016 và mảnh trích đo địa chính số 154-2016 ngày 18/10/2016 (bút lục 74-75, bút lục 77-78 có tại hồ sơ).

- Chi phí tố tụng: Ông T và bà Hphải chịu toàn bộ chi phí tố tụng với số tiền 4.450.000 đồng. Ông T và bà Hđã nộp và thực hiện xong.

- Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch: Ông T và bà Hphải nộp 640.200 đồng, ông T và bà Hđã dự nộp tạm ứng án phí trước với số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 0006033 ngày 05/7/2016 của chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu đối trừ . Ông T và bà Hphải nộp tiếp số tiền án phí 440.200 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/6/2018 ông Ngô Văn T và bà Huỳnh Diệu H có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông bà, buộc bị đơn phải trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 9,8m^2 và tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất; Yêu cầu xem xét phần chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo về diện tích đất, yêu cầu ông V1 và bà Ph trả diện tích đất theo đo đạc thực tế 9,7m^2, các nội dung còn lại giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu:

Về tố tụng: Nếu xác định phần đất tranh chấp là mương thoát nước công cộng do Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc quản lý, nhưng cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc tham gia tố tụng trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

Về nội dung: Phần đất ông T và bà Hđược bà Yến cho vào năm 1998, ông T đã đăng ký kê khai vào năm 2000 và được cấp quyền sử dụng đất năm 2016, thủ tục cấp quyền sử dụng đất đúng quy định pháp luật; phần đất tranh chấp 9,7m^2 nằm ở thửa số 70 của ông T. Nếu không chấp nhận yêu cầu của ông T và bà H thì phần đất ông T và bà H thiếu diện tích so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn đất ông V1 và bà Ph dư rất nhiều so với quyền sử dụng. Về hình thể đất: do bị lấn chiếm nên hậu đất của ông T và bà H ngắn hơn hậu đất của các thửa đất liền kề, nếu không bị lấn thì sẽ bằng nhau. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T và bà H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà Hhoặc hủy án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu: Phần đất tranh chấp chính là phần mương thoát nước thuộc quyền quản lý của UBND thị trấn Sông Đốc, ông V1 và bà Ph cũng như các hộ dân lân cận đều bồi đắp để sử dụng con mương này. Ông V1, bà Ph xây nhà và xây hàng rào vào năm 2015 nhưng ông T, bà H không có ý kiến gì ngăn cản cho đến khi ông T được cấp quyền sử dụng đất ngày 04/01/2016 mới xảy ra tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Ngô Văn T và bà Huỳnh Diệu H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với việc thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo của ông T tại phiên tòa về diện tích đất yêu cầu ông V1 và bà Ph phải trả là không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên được chấp nhận.

Phần đất ông T và bà H sử dụng có nguồn gốc do cha mẹ của bà H (ông Huỳnh Văn H2 và bà Võ Thị Y) cho vào năm 1998, được cấp quyền sử dụng đất ngày 04/01/2016; phần đất ông V1 và bà Ph có nguồn gốc do cha mẹ của ông V1 (ông Phạm Văn X và bà Huỳnh Thị H) cho vào năm 1990, được cấp quyền sử dụng đất ngày 19/11/2012. Hiện trạng ban đầu giữa hậu đất của hai phần đất là mương thoát nước công cộng do Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc quản lý. Quá trình sử dụng đất, ông V1 và bà Ph đã bồi đắp sử dụng cả con mương thoát nước công cộng, đồng thời có xây hàng rào bằng bê tông để ngăn cách với phần đất của ông T và bà H vào tháng 02/2015. Theo đo đạc thực tế xác định vị trí phần đất tranh chấp diện tích 9,7m^2 là vị trí phần mương thoát nước công cộng, nằm phía bên trong hàng rào của ông V1 và bà Ph xây. Khi ông V1 và bà Ph xây hàng rào phía ông T và bà Hkhông có ý kiến gì và cũng không xảy ra tranh chấp.

Ông V1 và bà Ph xây hàng rào từ tháng 02/2015, còn phía ông T, bà H làm hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất từ tháng 10/2015 và được cấp quyền sử dụng đất ngày 04/01/2016 (sau khi ông V1 và bà Ph xây hàng rào) nhưng ông T và bà Hcũng không đặt ra việc đất bị lấn chiếm. Đến tháng 4 năm 2015 (âm lịch) ông T và bà H khởi công xây dựng nhà mới phát sinh tranh chấp cho rằng ông V1 và bà Ph lấn chiếm đất.

Tại phiên tòa, ông T trình bày khi lập hồ sơ cấp quyền sử dụng đất không có đo đạc cụ thể phần đất của ông để xác định ranh giới, kích thước. Như vậy, nếu không đo đạc thì việc cấp quyền sử dụng đất cho ông T và bà Hchưa thể cho rằng chính xác về ranh giới, kích thước. Giả sử nếu có đo đạc thì thời điểm này ông V1 và bà Ph đã có xây hàng rào nhưng phía ông T và bà Hcũng không có ý kiến gì, điều này cho thấy ông T và bà Ph thống nhất ranh đất của ông bà là đến giáp hàng rào mà ông V1 và bà Ph đã xây.

Mặt khác, phần đất ông T và bà H có nguồn gốc trước đó là của ông Từ Văn H2 sang nhượng cho vợ chồng bà Y và ông Hùng ngày 06/4/1993, bà Y và ông H2

cho lại ông T và bà H. Theo giấy sang nhượng nhà và đất ngày 06/4/1993, ông Hồng sang nhượng cho ông Hùng căn nhà và nền nhà ngang 4m, dài 30m; Theo đo đạc thực tế thì phần đất ông T và bà Hđang sử dụng (không tính phần tranh chấp) có kích thước một cạnh dài 29,86m và một cạnh dài 29,50m. Như vậy chỉ chênh lệch thiếu so với kích thước ban đầu sang nhượng của ông Hồng là một cạnh 0,14m và một cạnh 0,50m.

[2] Tại Công văn số 164/UBND-VP ngày 19/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời xác định: Theo hồ sơ lưu trữ thì phần hậu đất ông Ngô Văn T và bà Huỳnh Diệu H với hộ ông Phạm Văn V1 và bà Nguyễn Thị Ph không giáp ranh với nhau. Hộ ông V1 và bà Ph được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2012, đất thuộc thửa số 39, tờ bản đồ số 37 (bản đồ địa chính thành lập năm 2000). Theo hệ thống bản đồ địa chính và sổ mục kê thành lập năm 2000 thì thửa số 39, tờ bản đồ số 37 giáp với mương thoát nước do Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý. Theo bản đồ đo đạc chỉnh lý biến động thị trấn Sông Đốc thành lập năm 2013 thì ông V1 kê khai tại tờ bản đồ số 67, có một phần thửa số 65 (phía nam) giáp với thửa số 70 (chủ sử dụng kê khai là ông T và bà H). Đối chiếu hệ thống 02 tờ bản đồ thì theo hệ thống bản đồ lập 2013, ông V1 đã kê khai chồng lên phần mương thoát nước của bản đồ lập năm 2000 và nằm ngoài Giấy chứng nhận của hộ ông V1 và bà Ph. Theo bản đồ địa chính thành lập năm 2000, ông T kê khai tại tờ bản đồ số 37, phần hậu thửa số 42 (phía đông) giáp mương thoát nước do Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý; ông T và bà Hđược cấp Giấy chứng nhận ngày 04/01/2016 tại thửa số 70, tờ bản đồ số 67 (theo hệ thống bản đồ địa chính thành lập năm 2013), phần hậu (hướng đông) giáp ranh với thửa số 64, kê khai chủ sử dụng là ông Trần Văn Ch và một phần thửa (hướng bắc) giáp ranh thửa số 65 chủ sử dụng là ông Phạm Văn V1. Đối chiếu 2 hệ thống bản đồ phần đất ông T và bà Hđã được cấp Giấy chứng nhận không chồng lên phần mương thoát nước của hệ thống bản đồ lập năm 2000.

[3] Đối với căn cứ Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Tài đặt ra phần hậu đất của ông T và bà H không bằng với hậu đất của các hộ khác (ngắn hơn) nên cho rằng ông V1 và bà Ph lấn chiếm đất là chưa có cơ sở. Bởi lẽ, giữa hậu đất ông T, bà H với hậu đất ông V1, bà Ph cũng như các hộ khác là mương thoát nước công cộng, quá trình sử dụng các hộ dân đã sang lấp quản lý sử dụng cả phần mương thoát nước, nếu hộ nào quản lý sử dụng mương thoát nước thì hậu đất sẽ dài hơn hậu đất của hộ không quản lý sử dụng mương thoát nước, đó là đương nhiên.

Mặc dù kết quả đo đạc thực tế phần đất ông V1 và bà Ph sử dụng kích thước chiều dài và diện tích lớn hơn quyền sử dụng được cấp, phần đất ông T và bà Hsử dụng kích thước chiều dài và diện tích nhỏ hơn quyền sử dụng được cấp, cũng không thể cho rằng ông V1 và bà Ph lấn chiếm đất của ông T và bà H. Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H là có căn cứ.

Đối với đề nghị của Luật sư phía nguyên đơn cho rằng nếu phần đất tranh chấp do Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc quản lý, cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng nghiêm trọng, đề nghị hủy án sơ thẩm. Xét thấy do án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H đối với phần diện tích đất tranh chấp nêu trên nên không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc; Ông V1 và bà Ph cũng xác định phần diện tích đất tranh chấp ông bà đang sử dụng là phần mương thoát nước công cộng do Nhà nước quản lý, khi nào Nhà nước buộc trả thì ông bà sẽ trả lại cho Nhà nước. Vì vậy, không cần thiết đặt ra lý do này để hủy án sơ thẩm.

[4] Từ những phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà Ph, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ. Do không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà H, nên ông T và bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn T và bà Huỳnh Diệu H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T và bà Huỳnh Diệu H về việc đòi ông Phạm Văn V1 và bà Nguyễn Thị Ph trả diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế 9,7m^2 tọa lạc tại khóm 6A, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo mảnh trích đo địa chính số 153-2016 ngày 05/10/2016 và mảnh trích đo địa chính số 154-2016 ngày 18/10/2016 (bút lục 74-75, bút lục 77-78 có tại hồ sơ).

- Chi phí đo đạc, định giá ông T và bà H phải chịu 4.450.000 đồng (đã nộp xong).

- Án phí dân sự sơ thẩm ông T và bà H phải chiu 640.200 đồng; ông T và bà Hđã dự nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số 0006033 ngày 05/7/2016 của Chi

cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, đối trừ còn phải nộp tiếp 440.200 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T và bà H mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ông T và bà Hmỗi người đã dự nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008251 và 0008252 ngày 06/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập